

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP
GIỮA NIÊN ĐỘ**

**6 THÁNG ĐẦU CỦA NĂM TÀI CHÍNH
KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2024**

**CÔNG TY CỔ PHẦN
CẤP THOÁT NƯỚC PHÚ YÊN**

MỤC LỤC

	Trang
1. Mục lục	1
2. Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc	2 - 3
3. Báo cáo soát xét thông tin tài chính giữa niên độ	4
4. Bảng cân đối kế toán tổng hợp giữa niên độ tại ngày 30 tháng 6 năm 2024	5 - 8
5. Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp giữa niên độ 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024	9
6. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ tổng hợp giữa niên độ 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024	10 - 11
7. Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024	12 - 34

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Cấp thoát nước Phú Yên (sau đây gọi tắt là “Công ty”) trình bày báo cáo của mình cùng với Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024.

Khái quát về Công ty

Công ty là doanh nghiệp được cổ phần hóa từ công ty Nhà nước Công ty TNHH Một thành viên Cấp thoát nước Phú Yên theo Quyết định số 69/KH – UBND ngày 07 tháng 5 năm 2014 của Ủy Ban nhân dân tỉnh Phú Yên. Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 4400115690, đăng ký lần đầu ngày 15 tháng 3 năm 2006 và đăng ký thay đổi lần thứ 09 ngày 15 tháng 5 năm 2023 do Sở kế hoạch và Đầu tư tỉnh Phú Yên cấp.

Trụ sở chính

- Địa chỉ : Số 05 Hải Dương, Xã Bình Ngọc, Thành phố Tuy Hòa, Tỉnh Phú Yên, Việt Nam.
- Điện thoại : 0257.3823557

Công ty có các đơn vị trực thuộc sau:

<u>Tên đơn vị</u>	<u>Địa chỉ</u>
Công ty Cổ phần Cấp thoát nước Phú Yên- Chi nhánh Dịch vụ - Xây lắp	Số 07 đường Hải Dương, Thôn Ngọc Phước, Xã Bình Ngọc, Thành phố Tuy Hòa, Tỉnh Phú Yên, Việt Nam.
Công ty Cổ phần Cấp thoát nước Phú Yên – Chi nhánh cấp nước số 1	Số 229 Lê Lợi, Phường 5, Thành phố Tuy Hòa, Tỉnh Phú Yên, Việt Nam.
Công ty Cổ phần Cấp thoát nước Phú Yên – Chi nhánh cấp nước số 2	Số 33 Lê Thành Phương, Phường Xuân Yên, Thị xã Sông Cầu, Tỉnh Phú Yên, Việt Nam.
Công ty Cổ phần Cấp thoát nước Phú Yên – Chi nhánh cấp nước số 3	Số 86 Ngô Quyền, Thị trấn Hai Riêng, Huyện Sông Hinh, Tỉnh Phú Yên, Việt Nam.

Hoạt động kinh doanh chính của Công ty là: khai thác, xử lý và phân phối nước sạch.

Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và Ban điều hành, quản lý

Các thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và Ban Tổng Giám đốc của Công ty trong kỳ và cho đến thời điểm lập báo cáo này bao gồm:

Hội đồng quản trị

<u>Họ và tên</u>	<u>Chức vụ</u>	<u>Ngày bổ nhiệm</u>
Ông Nguyễn Tấn Thuận	Chủ tịch	Bổ nhiệm ngày 11 tháng 5 năm 2020
Ông Nguyễn Phú Liệu	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 28 tháng 4 năm 2020
Ông Đặng Đức Hoàng	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 28 tháng 4 năm 2020
Ông Đỗ Hoàng Long	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 28 tháng 4 năm 2020
Ông Tạ Bình Nguyên	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 28 tháng 4 năm 2020

Ban kiểm soát

<u>Họ và tên</u>	<u>Chức vụ</u>	<u>Ngày bổ nhiệm</u>
Ông Đỗ Minh Sơn	Trưởng ban	Bổ nhiệm ngày 01 tháng 4 năm 2021
Bà Nguyễn Thị Thu	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 28 tháng 4 năm 2020
Bà Đỗ Thị Kiều Trang	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 28 tháng 4 năm 2021

Ban Tổng Giám đốc

<u>Họ và tên</u>	<u>Chức vụ</u>	<u>Ngày bổ nhiệm</u>
Ông Đỗ Hoàng Long	Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 11 tháng 5 năm 2020
Ông Nguyễn Phú Liệu	Phó Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 11 tháng 5 năm 2020
Ông Nguyễn Tấn Thuận	Phó Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 11 tháng 5 năm 2020
Ông Nguyễn Khắc Toàn	Phó Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 13 tháng 7 năm 2021
Bà Nguyễn Thị Xuân Tựu	Kế toán trưởng	Bổ nhiệm ngày 01 tháng 01 năm 2021

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP THOÁT NƯỚC PHÚ YÊN

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (tiếp theo)

Đại diện theo pháp luật

Người đại diện theo pháp luật của Công ty trong kỳ và cho đến thời điểm lập báo cáo này là Ông Đỗ Hoàng Long - Tổng Giám đốc (bổ nhiệm ngày 11 tháng 5 năm 2020).

Kiểm toán viên

Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn A&C đã được chỉ định soát xét Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024 của Công ty.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm lập Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong kỳ. Trong việc lập Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ này, Ban Tổng Giám đốc phải:

- Chọn lựa các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Thực hiện các xét đoán và các ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng cho Công ty có được tuân thủ hay không và tất cả các sai lệch trọng yếu đã được trình bày và giải thích trong Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ;
- Lập Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động liên tục;
- Thiết lập và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu nhằm hạn chế rủi ro có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ.

Ban Tổng Giám đốc đảm bảo các số kế toán thích hợp được lưu giữ đầy đủ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty với mức độ chính xác hợp lý tại bất kỳ thời điểm nào và các số sách kế toán tuân thủ chế độ kế toán áp dụng. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm quản lý các tài sản của Công ty và do đó đã thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc cam kết đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ.

Phê duyệt Báo cáo tài chính

Ban Tổng Giám đốc phê duyệt Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ đính kèm. Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm ngày 30 tháng 6 năm 2024, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024, phù hợp với các chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ.

Thay mặt Ban Tổng Giám đốc

Đỗ Hoàng Long
Tổng Giám đốc

Ngày 13 tháng 8 năm 2024

3-02
BẢN
TN
và TU
RAN
KH

Số: 3.0173/24/TC-AC

BÁO CÁO SOÁT XÉT THÔNG TIN TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ**Kính gửi: CÁC CỔ ĐÔNG, HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC
CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP THOÁT NƯỚC PHÚ YÊN**

Chúng tôi đã thực hiện công việc soát xét Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ kèm theo của Công ty Cổ phần Cấp thoát nước Phú Yên (sau đây gọi tắt là “Công ty”), được lập ngày 13 tháng 8 năm 2024, từ trang 05 đến trang 34, bao gồm Bảng cân đối kế toán tổng hợp giữa niên độ tại ngày 30 tháng 6 năm 2024, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp giữa niên độ, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ tổng hợp giữa niên độ 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024 và Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ của Công ty theo các chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra kết luận về Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ dựa trên kết quả soát xét của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc soát xét theo các nguyên tắc của Chuẩn mực Việt Nam về hợp đồng dịch vụ soát xét số 2410.- Soát xét thông tin tài chính giữa niên độ do kiểm toán viên độc lập của đơn vị thực hiện.

Công việc soát xét thông tin tài chính giữa niên độ bao gồm việc thực hiện các cuộc phỏng vấn, chủ yếu là phỏng vấn những người chịu trách nhiệm về các vấn đề tài chính kế toán, và thực hiện thủ tục phân tích và các thủ tục soát xét khác. Một cuộc soát xét về cơ bản có phạm vi hẹp hơn một cuộc kiểm toán được thực hiện theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam và do vậy không cho phép chúng tôi đạt được sự đảm bảo rằng chúng tôi sẽ nhận biết được tất cả các vấn đề trọng yếu có thể được phát hiện trong một cuộc kiểm toán. Theo đó, chúng tôi không đưa ra ý kiến kiểm toán.

Kết luận của Kiểm toán viên

Căn cứ trên kết quả soát xét của chúng tôi, chúng tôi không thấy có vấn đề gì khiến chúng tôi cho rằng Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ đính kèm không phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Cấp thoát nước Phú Yên tại ngày 30 tháng 6 năm 2024, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ trong 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024, phù hợp với các chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ.

Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn A&C**Chi nhánh Nha Trang****Phan Thị Ngọc Trâm****Thành viên Ban Giám đốc**

Số Giấy CNĐKHN kiểm toán: 0979-2023-008-1

Người được ủy quyền

Nha Trang, ngày 13 tháng 8 năm 2024

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP THOÁT NƯỚC PHÚ YÊN

Địa chỉ: Số 05 Hải Dương, xã Bình Ngọc, Thành phố Tuy Hòa, tỉnh Phú Yên, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ

(Dạng đầy đủ)

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2024

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
A - TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		140.396.718.967	144.754.294.270
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	V.1	18.598.724.972	6.889.045.887
1. Tiền	111		5.098.724.972	6.889.045.887
2. Các khoản tương đương tiền	112		13.500.000.000	-
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	120		109.200.000.000	122.200.000.000
1. Chứng khoán kinh doanh	121		-	-
2. Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh	122		-	-
3. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123	V.2	109.200.000.000	122.200.000.000
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		4.360.734.474	6.171.405.683
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	V.3	7.924.798.560	8.169.056.650
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	V.4	830.222.543	1.080.981.673
3. Phải thu nội bộ ngắn hạn	133		-	-
4. Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	134		-	-
5. Phải thu về cho vay ngắn hạn	135		-	-
6. Phải thu ngắn hạn khác	136	V.5a	2.936.501.642	4.252.155.631
7. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	V.6	(7.331.498.271)	(7.331.498.271)
8. Tài sản thiếu chờ xử lý	139		710.000	710.000
IV. Hàng tồn kho	140		5.975.923.699	5.720.614.279
1. Hàng tồn kho	141	V.7	5.975.923.699	5.720.614.279
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		-	-
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		2.261.335.822	3.773.228.421
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	V.8a	106.567.115	138.140.465
2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		2.133.677.907	3.613.997.156
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	V.15	21.090.800	21.090.800
4. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	154		-	-
5. Tài sản ngắn hạn khác	155		-	-

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP THOÁT NƯỚC PHÚ YÊN

Địa chỉ: Số 05 Hải Dương, xã Bình Ngọc, Thành phố Tuy Hòa, tỉnh Phú Yên, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Bảng cân đối kế toán tổng hợp giữa niên độ (tiếp theo)

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
B- TÀI SẢN DÀI HẠN	200		368.136.806.858	371.467.961.560
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		1.650.000.000	1.650.000.000
1. Phải thu dài hạn của khách hàng	211		-	-
2. Trả trước cho người bán dài hạn	212		-	-
3. Vốn kinh doanh ở đơn vị trực thuộc	213		-	-
4. Phải thu nội bộ dài hạn	214		-	-
5. Phải thu về cho vay dài hạn	215		-	-
6. Phải thu dài hạn khác	216	V.5b	1.650.000.000	1.650.000.000
7. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi	219		-	-
II. Tài sản cố định	220		341.122.402.166	321.248.084.359
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.9	340.981.054.931	321.059.237.128
- Nguyên giá	222		727.247.104.742	692.176.960.800
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(386.266.049.811)	(371.117.723.672)
2. Tài sản cố định thuê tài chính	224		-	-
- Nguyên giá	225		-	-
- Giá trị hao mòn lũy kế	226		-	-
3. Tài sản cố định vô hình	227	V.10	141.347.235	188.847.231
- Nguyên giá	228		1.263.708.933	1.263.708.933
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(1.122.361.698)	(1.074.861.702)
III. Bất động sản đầu tư	230		-	-
- Nguyên giá	231		-	-
- Giá trị hao mòn lũy kế	232		-	-
IV. Tài sản dở dang dài hạn	240		6.322.323.593	33.056.233.194
1. Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn	241		-	-
2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	V.11	6.322.323.593	33.056.233.194
V. Đầu tư tài chính dài hạn	250		-	-
1. Đầu tư vào công ty con	251		-	-
2. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	252		-	-
3. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253		-	-
4. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	254		-	-
5. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	255		-	-
VI. Tài sản dài hạn khác	260		19.042.081.099	15.513.644.007
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	V.8b	18.094.331.357	14.560.813.893
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262	V.12	904.015.242	909.095.614
3. Thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn	263		43.734.500	43.734.500
4. Tài sản dài hạn khác	268		-	-
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		508.533.525.825	516.222.255.830

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP THOÁT NƯỚC PHÚ YÊN

Địa chỉ: Số 05 Hải Dương, xã Bình Ngọc, Thành phố Tuy Hòa, tỉnh Phú Yên, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Bảng cân đối kế toán tổng hợp giữa niên độ (tiếp theo)

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
C - NỢ PHẢI TRẢ	300		82.847.906.418	78.250.335.282
I. Nợ ngắn hạn	310		48.135.869.380	38.579.435.813
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	V.13	1.334.849.293	18.586.350.804
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	V.14	193.519.918	169.651.302
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	V.15	1.928.621.213	1.485.153.127
4. Phải trả người lao động	314		1.547.691.605	2.654.916.313
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	V.16	3.379.550.120	1.196.755.582
6. Phải trả nội bộ ngắn hạn	316		-	-
7. Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	317		-	-
8. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318		-	-
9. Phải trả ngắn hạn khác	319	V.17	29.323.598.191	1.616.936.464
10. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	V.18a,c	9.917.724.862	11.624.059.617
11. Dự phòng phải trả ngắn hạn	321		-	-
12. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322	V.19	510.314.178	1.245.612.604
13. Quỹ bình ổn giá	323		-	-
14. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	324		-	-
II. Nợ dài hạn	330		34.712.037.038	39.670.899.469
1. Phải trả người bán dài hạn	331		-	-
2. Người mua trả tiền trước dài hạn	332		-	-
3. Chi phí phải trả dài hạn	333		-	-
4. Phải trả nội bộ về vốn kinh doanh	334		-	-
5. Phải trả nội bộ dài hạn	335		-	-
6. Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	336		-	-
7. Phải trả dài hạn khác	337		-	-
8. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	V.18b,c	34.712.037.038	39.670.899.469
9. Trái phiếu chuyển đổi	339		-	-
10. Cổ phiếu ưu đãi	340		-	-
11. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	341		-	-
12. Dự phòng phải trả dài hạn	342		-	-
13. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	343		-	-

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP THOÁT NƯỚC PHÚ YÊN

Địa chỉ: Số 05 Hải Dương, xã Bình Ngọc, Thành phố Tuy Hòa, tỉnh Phú Yên, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Bảng cân đối kế toán tổng hợp giữa niên độ (tiếp theo)

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
D - VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		425.685.619.407	437.971.920.548
I. Vốn chủ sở hữu	410		425.685.619.407	437.971.920.548
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411	V.20	383.635.790.000	383.635.790.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		383.635.790.000	383.635.790.000
- Cổ phiếu ưu đãi	411b		-	-
2. Thặng dư vốn cổ phần	412	V.20	8.783.241.099	8.783.241.099
3. Quyền chọn chuyển đổi trái phiếu	413		-	-
4. Vốn khác của chủ sở hữu	414		-	-
5. Cổ phiếu quỹ	415	V.20	-	-
6. Chênh lệch đánh giá lại tài sản	416		-	-
7. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	417		-	-
8. Quỹ đầu tư phát triển	418	V.20	15.000.394.589	15.000.394.589
9. Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp	419		-	-
10. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	420		-	-
11. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421	V.20	18.266.193.719	30.552.494.860
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối lũy kể đến cuối kỳ trước	421a		1.779.810.610	30.552.494.860
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối kỳ này	421b		16.486.383.109	-
12. Nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản	422		-	-
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		-	-
1. Nguồn kinh phí	431		-	-
2. Nguồn kinh phí đã hình thành tài sản cố định	432		-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		508.533.525.825	516.222.255.830

Phú Yên, ngày 13 tháng 8 năm 2024

Nguyễn Ngọc Diễm Trang
Người lập

Nguyễn Thị Xuân Tựu
Kế toán trưởng

Đỗ Hoàng Long
Tổng Giám đốc

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP THOÁT NƯỚC PHÚ YÊN

Địa chỉ: Số 05 Hải Dương, xã Bình Ngọc, Thành phố Tuy Hòa, tỉnh Phú Yên, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ (Dạng đầy đủ)

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
			Năm nay	Năm trước
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.1	67.287.862.024	61.202.283.593
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10		67.287.862.024	61.202.283.593
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.2	33.304.076.534	30.450.059.486
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		33.983.785.490	30.752.224.107
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.3	3.184.872.675	4.650.120.602
7. Chi phí tài chính	22	VI.4	1.533.640.498	1.907.389.447
Trong đó: chi phí lãi vay	23		1.533.640.498	1.907.389.447
8. Chi phí bán hàng	25	VI.5	8.524.197.856	10.824.405.878
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	VI.6	8.241.842.717	7.546.516.397
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		18.868.977.094	15.124.032.987
11. Thu nhập khác	31	VI.7	2.675.094	11.551.989
12. Chi phí khác	32	VI.8	27.756.713	46.265.005
13. Lợi nhuận khác	40		(25.081.619)	(34.713.016)
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		18.843.895.475	15.089.319.971
15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	V.15	1.484.727.620	1.402.894.387
16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52	VI.9	5.080.372	104.085.213
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		17.354.087.483	13.582.340.371
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	VI.10	430	336
19. Lãi suy giảm trên cổ phiếu	71	VI.10	430	336

Phú Yên, ngày 13 tháng 8 năm 2024

Nguyễn Ngọc Diễm Trang
Người lập

Nguyễn Thị Xuân Tựu
Kế toán trưởng

Đỗ Hoàng Long
Tổng Giám đốc

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP THOÁT NƯỚC PHÚ YÊN

Địa chỉ: Số 05 Hải Dương, xã Bình Ngọc, Thành phố Tuy Hòa, tỉnh Phú Yên, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ

(Dạng đầy đủ)

(Theo phương pháp gián tiếp)

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
			Năm nay	Năm trước
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
1. Lợi nhuận trước thuế	01		18.843.895.475	15.089.319.971
2. Điều chỉnh cho các khoản:				
- Khấu hao tài sản cố định và bất động sản đầu tư	02	V.9,10	15.232.285.226	13.586.736.042
- Các khoản dự phòng	03	V.6	-	-
- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04		-	-
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05	VI.3	(3.179.842.983)	(4.638.273.313)
- Chi phí lãi vay	06	VI.4	1.533.640.498	1.907.389.447
- Các khoản điều chỉnh khác	07		-	-
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08		32.429.978.216	25.945.172.147
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09		1.088.051.297	824.398.072
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10	V.7	(255.309.420)	(256.445.021)
- Tăng, giảm các khoản phải trả	11		(222.930.568)	2.499.319.119
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12	V.8a,b	(3.501.944.114)	460.346.027
- Tăng, giảm chứng khoán kinh doanh	13		-	-
- Tiền lãi vay đã trả	14	V.16, VI.4	(1.564.211.863)	(1.959.449.220)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	V.15	(1.473.277.381)	(1.326.985.608)
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	16	V.19	1.080.000	6.844.000
- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17	V.19	(1.604.082.800)	(1.106.300.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		24.897.353.367	25.086.899.516
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	21		(24.501.412.762)	(23.172.456.854)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	22		-	-
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		(75.000.000.000)	(87.500.000.000)
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		88.000.000.000	93.500.000.000
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25		-	-
6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26		-	-
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	V.5a, VI.3	4.978.935.666	4.973.549.999
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		(6.522.477.096)	(12.198.906.855)

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP THOÁT NƯỚC PHÚ YÊN

Địa chỉ: Số 05 Hải Dương, xã Bình Ngọc, Thành phố Tuy Hòa, tỉnh Phú Yên, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Báo cáo lưu chuyển tiền tệ tổng hợp giữa niên độ (tiếp theo)

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
			Năm nay	Năm trước
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31		-	-
2. Tiền trả lại vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32		-	-
3. Tiền thu từ đi vay	33		-	-
4. Tiền trả nợ gốc vay	34	V.18a	(6.665.197.186)	(6.665.197.172)
5. Tiền trả nợ gốc thuê tài chính	35		-	-
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	V.17,20	-	(13.384.050.023)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		(6.665.197.186)	(20.049.247.195)
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ	50		11.709.679.085	(7.161.254.534)
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60	V.1	6.889.045.887	10.170.462.793
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		-	-
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	70	V.1	18.598.724.972	3.009.208.259

Phú Yên, ngày 13 tháng 8 năm 2024

Nguyễn Ngọc Diễm Trang
Người lập

Nguyễn Thị Xuân Tụ
Kế toán trưởng

Đỗ Hoàng Long
Tổng Giám đốc

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP THOÁT NƯỚC PHÚ YÊN

Địa chỉ: Số 05 Hải Dương, xã Bình Ngọc, Thành phố Tuy Hòa, tỉnh Phú Yên, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG

1. Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Cấp thoát nước Phú Yên (sau đây gọi tắt là “Công ty”) là công ty cổ phần.

2. Lĩnh vực kinh doanh

Lĩnh vực kinh doanh của Công ty là khai thác và cung cấp nước sạch, dịch vụ, xây lắp.

3. Ngành nghề kinh doanh

Hoạt động kinh doanh chính của Công ty là: khai thác, xử lý và phân phối nước sạch.

4. Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Công ty không quá 12 tháng.

5. Đặc điểm hoạt động của Công ty trong kỳ có ảnh hưởng đến Báo cáo tài chính

Doanh thu kỳ này tăng so với kỳ trước chủ yếu do tăng số lượng khách hàng và sản lượng bán tăng.

6. Cấu trúc Công ty

Các Đơn vị trực thuộc không có tư cách pháp nhân hạch toán phụ thuộc

Tên đơn vị	Địa chỉ
Công ty Cổ phần Cấp thoát nước Phú Yên - Chi nhánh Dịch vụ - Xây lắp	Số 07 đường Hải Dương, Thôn Ngọc Phước, Xã Bình Ngọc, Thành phố Tuy Hòa, Tỉnh Phú Yên, Việt Nam.
Công ty Cổ phần Cấp Thoát Nước Phú Yên - Chi nhánh cấp nước số 1	Số 229 Lê Lợi, Phường 5, Thành phố Tuy Hòa, Tỉnh Phú Yên, Việt Nam.
Công ty Cổ phần Cấp Thoát Nước Phú Yên - Chi nhánh cấp nước số 2	Số 33 Lê Thành Phương, Phường Xuân Yên, Thị xã Sông Cầu, Tỉnh Phú Yên, Việt Nam.
Công ty Cổ phần Cấp Thoát Nước Phú Yên - Chi nhánh cấp nước số 3	Số 86 Ngô Quyền, Thị trấn Hai Riêng, Huyện Sông Hinh, Tỉnh Phú Yên, Việt Nam.

7. Tuyên bố về khả năng so sánh thông tin trên Báo cáo tài chính

Các số liệu tương ứng của kỳ trước so sánh được với số liệu của kỳ này.

8. Nhân viên

Tại ngày kết thúc kỳ kế toán Công ty có 246 nhân viên đang làm việc (số đầu năm là 228 nhân viên).

II. NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

1. Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP THOÁT NƯỚC PHÚ YÊN

Địa chỉ: Số 05 Hải Dương, Xã Bình Ngọc, Thành phố Tuy Hòa, Tỉnh Phú Yên, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ (tiếp theo)

2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là Đồng Việt Nam (VND) do phần lớn các nghiệp vụ được thực hiện bằng đơn vị tiền tệ VND.

III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng các chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014, Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21 tháng 3 năm 2016 và các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ.

2. Tuyên bố về việc tuân thủ chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán

Ban Tổng Giám đốc đảm bảo đã tuân thủ yêu cầu của các chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014, Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21 tháng 3 năm 2016 cũng như các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ.

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Cơ sở lập Báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính được lập trên cơ sở kế toán dồn tích (trừ các thông tin liên quan đến các luồng tiền).

2. Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt và tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn. Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi không quá 3 tháng kể từ ngày đầu tư, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có rủi ro trong việc chuyển đổi thành tiền tại thời điểm báo cáo.

3. Các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Khoản đầu tư được phân loại là nắm giữ đến ngày đáo hạn khi Công ty có ý định và khả năng giữ đến ngày đáo hạn. Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm: các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn (bao gồm cả các loại tín phiếu, kỳ phiếu), trái phiếu, cổ phiếu ưu đãi bên phát hành bắt buộc phải mua lại tại một thời điểm nhất định trong tương lai và các khoản cho vay nắm giữ đến ngày đáo hạn với mục đích thu lãi hàng kỳ và các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn khác.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm giá mua và các chi phí liên quan đến giao dịch mua các khoản đầu tư. Sau ghi nhận ban đầu, các khoản đầu tư này được ghi nhận theo giá trị có thể thu hồi. Thu nhập lãi từ các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn sau ngày mua được ghi nhận trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trên cơ sở dự thu. Lãi được hưởng trước khi Công ty nắm giữ được ghi giảm trừ vào giá gốc tại thời điểm mua.

Khi có các bằng chứng chắc chắn cho thấy một phần hoặc toàn bộ khoản đầu tư có thể không thu hồi được và số tổn thất được xác định một cách đáng tin cậy thì tổn thất được ghi nhận vào chi phí tài chính trong kỳ và giảm trừ trực tiếp giá trị đầu tư.

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP THOÁT NƯỚC PHÚ YÊN

Địa chỉ: Số 05 Hải Dương, Xã Bình Ngọc, Thành phố Tuy Hòa, Tỉnh Phú Yên, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ (tiếp theo)

4. Các khoản phải thu

Các khoản nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Việc phân loại các khoản phải thu là phải thu khách hàng và phải thu khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải thu của khách hàng phản ánh các khoản phải thu mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch có tính chất mua – bán giữa Công ty và người mua là đơn vị độc lập với Công ty.
- Phải thu khác phản ánh các khoản phải thu không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua – bán.

Dự phòng phải thu khó đòi được lập cho từng khoản nợ phải thu khó đòi căn cứ vào tuổi nợ quá hạn của các khoản nợ sau khi đã bù trừ với khoản nợ phải trả (nếu có) hoặc dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra, cụ thể như sau:

- Đối với nợ phải thu quá hạn thanh toán:
 - 30% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 6 tháng đến dưới 1 năm.
 - 50% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 1 năm đến dưới 2 năm.
 - 70% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 2 năm đến dưới 3 năm.
 - 100% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 3 năm trở lên.
- Đối với nợ phải thu chưa quá hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi: căn cứ vào dự kiến mức tổn thất để lập dự phòng.

Tăng, giảm số dư dự phòng nợ phải thu khó đòi cần phải trích lập tại ngày kết thúc kỳ kế toán được ghi nhận vào chi phí quản lý doanh nghiệp.

5. Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá gốc hàng tồn kho được xác định như sau:

- Nguyên vật liệu, hàng hóa: bao gồm chi phí mua và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.
- Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang: bao gồm chi phí nguyên vật liệu chính, chi phí nhân công và các chi phí có liên quan trực tiếp khác.

Giá xuất kho được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong kỳ sản xuất, kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập cho từng mặt hàng tồn kho có giá gốc lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được. Tăng, giảm số dư dự phòng giảm giá hàng tồn kho cần phải trích lập tại ngày kết thúc kỳ kế toán được ghi nhận vào giá vốn hàng bán.

6. Chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán. Chi phí trả trước của Công ty chủ yếu là chi phí thay thế đầu nối, chi phí sửa chữa tài sản cố định và chi phí công cụ, dụng cụ. Các chi phí trả trước này được phân bổ trong khoảng thời gian trả trước hoặc thời gian các lợi ích kinh tế tương ứng được tạo ra từ các chi phí này.

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP THOÁT NƯỚC PHÚ YÊN

Địa chỉ: Số 05 Hải Dương, Xã Bình Ngọc, Thành phố Tuy Hòa, Tỉnh Phú Yên, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ (tiếp theo)

Chi phí thay thế đầu nổi

Chi phí thay thế đầu nổi được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng trong 03 năm.

Chi phí sửa chữa tài sản cố định

Chi phí sửa chữa tài sản cố định phát sinh một lần có giá trị lớn được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng trong 03 năm.

Công cụ, dụng cụ

Các công cụ, dụng cụ đã đưa vào sử dụng được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ không quá 03 năm.

7. Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí phát sinh không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ.

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong kỳ.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Số năm khấu hao của các loại tài sản cố định hữu hình như sau:

<u>Loại tài sản cố định</u>	<u>Số năm</u>
Nhà cửa, vật kiến trúc	5 – 50
Máy móc và thiết bị	5 – 20
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	6 – 30
Thiết bị, dụng cụ quản lý	3 – 10
Tài sản cố định khác	2 – 20

8. Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định vô hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Chi phí liên quan đến tài sản cố định vô hình phát sinh sau khi ghi nhận ban đầu được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ trừ khi các chi phí này gắn liền với một tài sản cố định vô hình cụ thể và làm tăng lợi ích kinh tế từ các tài sản này.

Khi tài sản cố định vô hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong kỳ.

Tài sản cố định vô hình của Công ty bao gồm:

Chương trình phần mềm máy tính

Chi phí liên quan đến các chương trình phần mềm máy tính không phải là một bộ phận gắn kết với phần cứng có liên quan được vốn hóa. Nguyên giá của phần mềm máy tính là toàn bộ các chi phí mà Công ty đã chi ra tính đến thời điểm đưa phần mềm vào sử dụng. Phần mềm máy tính được khấu hao theo phương pháp đường thẳng từ 03 - 08 năm.

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP THOÁT NƯỚC PHÚ YÊN

Địa chỉ: Số 05 Hải Dương, Xã Bình Ngọc, Thành phố Tuy Hòa, Tỉnh Phú Yên, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ (tiếp theo)

Tài sản cố định vô hình khác

Tài sản cố định vô hình khác ở công ty là hệ thống mạng quản lý và phòng hóa nghiệm theo tiêu chuẩn ISO. Nguyên giá của các tài sản cố định vô hình khác là toàn bộ các chi phí mà Công ty đã chi ra tính đến thời điểm đưa hệ thống vào sử dụng. Các tài sản vô hình khác được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong thời gian từ 02 - 20 năm.

9. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang phản ánh các chi phí liên quan trực tiếp (bao gồm cả chi phí lãi vay có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Công ty đến các tài sản đang trong quá trình xây dựng, máy móc thiết bị đang lắp đặt để phục vụ cho mục đích sản xuất, cho thuê và quản lý cũng như chi phí liên quan đến việc sửa chữa tài sản cố định đang thực hiện. Các tài sản này được ghi nhận theo giá gốc và không được tính khấu hao.

10. Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được. Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả.

Việc phân loại các khoản phải trả là phải trả người bán, chi phí phải trả và phải trả khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải trả người bán phản ánh các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản và người bán là đơn vị độc lập với Công ty.
- Chi phí phải trả phản ánh các khoản phải trả cho hàng hóa, dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã cung cấp cho người mua nhưng chưa chi trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán và các khoản phải trả cho người lao động về tiền lương nghỉ phép, các khoản chi phí sản xuất, kinh doanh phải trích trước.
- Phải trả khác phản ánh các khoản phải trả không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ.

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được phân loại ngắn hạn và dài hạn trên Bảng cân đối kế toán giữa niên độ căn cứ theo kỳ hạn còn lại tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

11. Vốn chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực tế đã góp của các cổ đông.

Thặng dư vốn cổ phần

Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch giữa giá phát hành và mệnh giá cổ phiếu khi phát hành lần đầu hoặc phát hành bổ sung, chênh lệch giữa giá tái phát hành và giá trị sổ sách của cổ phiếu quỹ và cấu phần vốn của trái phiếu chuyển đổi khi đáo hạn. Chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành bổ sung cổ phiếu và tái phát hành cổ phiếu quỹ được ghi giảm thặng dư vốn cổ phần.

Cổ phiếu quỹ

Khi mua lại cổ phiếu do Công ty phát hành, khoản tiền trả bao gồm cả các chi phí liên quan đến giao dịch được ghi nhận là cổ phiếu quỹ và được phản ánh là một khoản giảm trừ trong vốn chủ sở hữu. Khi hủy bỏ cổ phiếu quỹ, Công ty thực hiện theo Luật chứng khoán số 54/2019/QH14 ngày 26 tháng 11 năm 2019.

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP THOÁT NƯỚC PHÚ YÊN

Địa chỉ: Số 05 Hải Dương, Xã Bình Ngọc, Thành phố Tuy Hòa, Tỉnh Phú Yên, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ (tiếp theo)

12. Phân phối lợi nhuận

Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp được phân phối cho các cổ đông sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ của Công ty cũng như các quy định của pháp luật và đã được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

Việc phân phối lợi nhuận cho các cổ đông được cân nhắc đến các khoản mục phi tiền tệ nằm trong lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể ảnh hưởng đến luồng tiền và khả năng chi trả cổ tức như lãi do đánh giá lại tài sản mang đi góp vốn, lãi do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ, các công cụ tài chính và các khoản mục phi tiền tệ khác.

Cổ tức được ghi nhận là nợ phải trả khi được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt và có thông báo chia cổ tức của Công ty.

13. Ghi nhận doanh thu và thu nhập

Doanh thu bán hàng hoá, thành phẩm

Doanh thu bán hàng hóa, thành phẩm được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu hàng hóa, sản phẩm cho người mua.
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa, sản phẩm như người sở hữu hàng hóa, sản phẩm hoặc quyền kiểm soát hàng hóa, sản phẩm.
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn. Khi hợp đồng quy định người mua được quyền trả lại sản phẩm, hàng hóa đã mua theo những điều kiện cụ thể, doanh thu chỉ được ghi nhận khi những điều kiện cụ thể đó không còn tồn tại và người mua không được quyền trả lại hàng hóa, sản phẩm (trừ trường hợp khách hàng có quyền trả lại hàng hóa, sản phẩm dưới hình thức đổi lại để lấy hàng hóa, dịch vụ khác).
- Công ty đã hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng.
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn. Khi hợp đồng quy định người mua được quyền trả lại dịch vụ đã mua theo những điều kiện cụ thể, doanh thu chỉ được ghi nhận khi những điều kiện cụ thể đó không còn tồn tại và người mua không được quyền trả lại dịch vụ đã cung cấp.
- Công ty đã hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó.
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào thời điểm báo cáo.
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Trường hợp dịch vụ được thực hiện trong nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ được căn cứ vào kết quả phân công việc đã hoàn thành vào ngày kết thúc kỳ kế toán.

Tiền lãi

Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất thực tế từng kỳ.

14. Hợp đồng xây dựng

Hợp đồng xây dựng là một hợp đồng được thỏa thuận để xây dựng một tài sản hoặc tổ hợp các tài sản có liên quan chặt chẽ hay phụ thuộc lẫn nhau về mặt thiết kế, công nghệ, chức năng hoặc mục đích sử dụng cơ bản của chúng.

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP THOÁT NƯỚC PHÚ YÊN

Địa chỉ: Số 05 Hải Dương, Xã Bình Ngọc, Thành phố Tuy Hòa, Tỉnh Phú Yên, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ (tiếp theo)

Khi kết quả thực hiện hợp đồng được ước tính một cách đáng tin cậy:

- Đối với các hợp đồng xây dựng quy định nhà thầu được thanh toán theo tiến độ kế hoạch: doanh thu và chi phí liên quan đến hợp đồng được ghi nhận tương ứng với phần công việc đã hoàn thành do Công ty tự xác định vào ngày kết thúc kỳ kế toán.
- Đối với các hợp đồng xây dựng quy định nhà thầu được thanh toán theo giá trị khối lượng thực hiện: doanh thu và chi phí liên quan đến hợp đồng được ghi nhận tương ứng với phần công việc đã hoàn thành được khách hàng xác nhận và được phản ánh trên hóa đơn đã lập.

Các khoản tăng, giảm khối lượng xây lắp, các khoản thu bồi thường và các khoản thu khác chỉ được ghi nhận doanh thu khi đã được thống nhất với khách hàng.

Khi kết quả thực hiện hợp đồng xây dựng không thể ước tính được một cách đáng tin cậy:

- Doanh thu chỉ được ghi nhận tương đương với chi phí của hợp đồng đã phát sinh mà việc hoàn trả là tương đối chắc chắn.
- Chi phí của hợp đồng chỉ được ghi nhận vào chi phí khi đã phát sinh.

Chênh lệch giữa tổng doanh thu lũy kế của hợp đồng xây dựng đã ghi nhận và khoản tiền lũy kế ghi trên hóa đơn thanh toán theo tiến độ kế hoạch của hợp đồng được ghi nhận là khoản phải thu hoặc phải trả theo tiến độ kế hoạch của các hợp đồng xây dựng.

15. Chi phí đi vay

Chi phí đi vay bao gồm lãi tiền vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay.

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí khi phát sinh. Trường hợp chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang cần có một thời gian đủ dài (trên 12 tháng) để có thể đưa vào sử dụng theo mục đích định trước hoặc bán thì chi phí đi vay này được tính vào giá trị của tài sản đó. Đối với khoản vay riêng phục vụ việc xây dựng tài sản cố định, bất động sản đầu tư, lãi vay được vốn hóa kể cả khi thời gian xây dựng dưới 12 tháng. Các khoản thu nhập phát sinh từ việc đầu tư tạm thời các khoản vay được ghi giảm nguyên giá tài sản có liên quan.

Đối với các khoản vốn vay chung trong đó có sử dụng cho mục đích đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang thì chi phí đi vay vốn hóa được xác định theo tỷ lệ vốn hóa đối với chi phí lũy kế bình quân gia quyền phát sinh cho việc đầu tư xây dựng cơ bản hoặc sản xuất tài sản đó. Tỷ lệ vốn hóa được tính theo tỷ lệ lãi suất bình quân gia quyền của các khoản vay chưa trả trong kỳ, ngoại trừ các khoản vay riêng biệt phục vụ cho mục đích hình thành một tài sản cụ thể.

16. Các khoản chi phí

Chi phí là những khoản làm giảm lợi ích kinh tế được ghi nhận tại thời điểm giao dịch phát sinh hoặc khi có khả năng tương đối chắc chắn sẽ phát sinh trong tương lai không phân biệt đã chi tiền hay chưa.

Các khoản chi phí và khoản doanh thu do nó tạo ra phải được ghi nhận đồng thời theo nguyên tắc phù hợp. Trong trường hợp nguyên tắc phù hợp xung đột với nguyên tắc thận trọng, chi phí được ghi nhận căn cứ vào bản chất và quy định của các chuẩn mực kế toán để đảm bảo phản ánh giao dịch một cách trung thực, hợp lý.

17. Thuế thu nhập doanh nghiệp

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại.

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP THOÁT NƯỚC PHÚ YÊN

Địa chỉ: Số 05 Hải Dương, Xã Bình Ngọc, Thành phố Tuy Hòa, Tỉnh Phú Yên, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ (tiếp theo)

Thuế thu nhập hiện hành

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế được tính dựa trên thu nhập tính thuế. Thu nhập tính thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế toán, các chi phí không được trừ cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập không phải chịu thuế và các khoản lỗ được chuyển.

Thuế thu nhập hoãn lại

Thuế thu nhập hoãn lại là khoản thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ phải nộp hoặc sẽ được hoàn lại do chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ của tài sản và nợ phải trả cho mục đích lập Báo cáo tài chính và cơ sở tính thuế thu nhập. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ này.

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán và sẽ được ghi giảm đến mức đảm bảo chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng. Các tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại chưa được ghi nhận trước đây được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế để có thể sử dụng các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận này.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán dựa trên các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc kỳ kế toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và chỉ ghi trực tiếp vào vốn chủ sở hữu khi khoản thuế đó liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi:

- Công ty có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp; và
- Các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả này liên quan đến thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế:
 - Đối với cùng một đơn vị chịu thuế; hoặc
 - Công ty dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải trả và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần hoặc thu hồi tài sản đồng thời với việc thanh toán nợ phải trả trong từng kỳ tương lai khi các khoản trọng yếu của thuế thu nhập hoãn lại phải trả hoặc tài sản thuế thu nhập hoãn lại được thanh toán hoặc thu hồi.

18. Bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung.

Trong việc xem xét mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú trọng nhiều hơn hình thức pháp lý.

19. Báo cáo theo bộ phận

Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh khác.

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP THOÁT NƯỚC PHÚ YÊN

Địa chỉ: Số 05 Hải Dương, Xã Bình Ngọc, Thành phố Tuy Hòa, Tỉnh Phú Yên, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ (tiếp theo)

Bộ phận theo khu vực địa lý là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ trong phạm vi một môi trường kinh tế cụ thể và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh trong các môi trường kinh tế khác.

Thông tin bộ phận được lập và trình bày phù hợp với chính sách kế toán áp dụng cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ của Công ty.

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ

1. Tiền và các khoản tương đương tiền

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Tiền mặt	41.245.631	3.197.392
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	5.057.479.341	6.885.848.495
Các khoản tương đương tiền - Tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn gốc không quá 03 tháng	13.500.000.000	-
Cộng	18.598.724.972	6.889.045.887

2. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	Giá gốc	Giá trị ghi sổ	Giá gốc	Giá trị ghi sổ
Tiền gửi có kỳ hạn ngắn hạn	109.200.000.000	109.200.000.000	122.200.000.000	122.200.000.000
Cộng	109.200.000.000	109.200.000.000	122.200.000.000	122.200.000.000

3. Phải thu ngắn hạn của khách hàng

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Phải thu các bên liên quan	4.366.494.350	4.366.494.350
Ủy ban nhân dân tỉnh Phú Yên	4.366.494.350	4.366.494.350
Phải thu các khách hàng khác	3.558.304.210	3.802.562.300
Phòng Quản lý Đô thị Thành phố Tuy Hòa	2.674.176.000	2.674.176.000
Các khách hàng khác	884.128.210	1.128.386.300
Cộng	7.924.798.560	8.169.056.650

4. Trả trước cho người bán ngắn hạn

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Công ty Cổ phần Tư vấn và Đầu tư Phát triển Sài Gòn	351.066.195	-
Công ty TNHH Vật tư thiết bị điện công nghiệp Đại Phú	266.839.000	-
Công ty TNHH Xây dựng Hưng Việt Thắng	-	519.912.306
Công ty TNHH Tư vấn và Xây dựng Thống Phát	-	235.187.500
Công ty Cổ phần Công nghệ Bách Việt	-	189.000.000
Các nhà cung cấp khác	212.317.348	136.881.867
Cộng	830.222.543	1.080.981.673

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP THOÁT NƯỚC PHÚ YÊN

Địa chỉ: Số 05 Hải Dương, Xã Bình Ngọc, Thành phố Tuy Hòa, Tỉnh Phú Yên, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ (tiếp theo)

5. Phải thu ngắn hạn/dài hạn khác

5a. Phải thu ngắn hạn khác

	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
Lãi dự thu tiền gửi có kỳ hạn	2.301.594.021	-	4.100.686.704	-
Tạm ứng	39.700.000	-	18.000.000	-
Phải thu tạm ứng của Chi nhánh dịch vụ Xây lắp	75.717.242	-	100.325.428	-
Phải thu tạm ứng của Chi nhánh Cấp nước số 1	172.502.651	-	-	-
Phải thu tạm ứng của Chi nhánh Cấp nước số 2	237.492.632	-	-	-
Phải thu tạm ứng của Chi nhánh Cấp nước số 3	45.817.927	-	-	-
Các khoản phải thu khác	63.677.169	-	33.143.499	-
Cộng	2.936.501.642	-	4.252.155.631	-

5b. Phải thu dài hạn khác

Khoản ký quỹ cho Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Phú Yên để đảm bảo thực hiện đầu tư đối với dự án Đầu tư nâng cấp nhà máy nước khu vực Đông Bắc Sông Cầu từ 900m³/ngày lên 10.000 m³/ngày.

6. Nợ xấu

Là công nợ phải thu khách hàng về cung cấp dịch vụ, cung cấp nước sạch, chi tiết như sau:

	Thời gian quá hạn	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
		Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi
Các bên liên quan		4.366.494.350	-	4.366.494.350	-
Ủy ban nhân dân tỉnh Phú Yên	Trên 3 năm	4.366.494.350	-	Trên 3 năm 4.366.494.350	-
Các tổ chức và cá nhân khác		3.207.724.497	242.720.576	3.207.724.497	242.720.576
Phòng Quản lý Đô thị TP Tuy Hoà	Chủ yếu trên 3 năm	2.674.176.000	140.672.200	Chủ yếu trên 3 năm 2.674.176.000	140.672.200
Phải thu các tổ chức và cá nhân khác	Chủ yếu trên 3 năm	533.548.497	102.048.376	Chủ yếu trên 3 năm 533.548.497	102.048.376
Cộng		7.574.218.847	242.720.576	7.574.218.847	242.720.576

Tình hình biến động dự phòng nợ phải thu khó đòi như sau:

	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Số đầu năm	7.331.498.271	4.785.953.423
Số cuối kỳ	7.331.498.271	4.785.953.423

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP THOÁT NƯỚC PHÚ YÊN

Địa chỉ: Số 05 Hải Dương, Xã Bình Ngọc, Thành phố Tuy Hòa, Tỉnh Phú Yên, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ (tiếp theo)

7. Hàng tồn kho

	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Hàng mua đang đi trên đường	589.369.315	-	144.998	-
Nguyên liệu, vật liệu	5.309.425.160	-	5.502.080.518	-
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang	77.129.224	-	218.388.763	-
Cộng	5.975.923.699	-	5.720.614.279	-

8. Chi phí trả trước ngắn hạn/dài hạn

8a. Chi phí trả trước ngắn hạn

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Chi phí bảo hiểm	42.421.375	89.273.141
Công cụ, dụng cụ	891.203	2.673.611
Các chi phí trả trước ngắn hạn khác	63.254.537	46.193.713
Cộng	106.567.115	138.140.465

8b. Chi phí trả trước dài hạn

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Chi phí thay thế đầu nối đồng hồ	13.322.388.694	9.918.795.749
Chi phí sửa chữa tài sản	3.894.173.403	3.783.531.156
Công cụ, dụng cụ	703.901.770	805.100.367
Các chi phí trả trước dài hạn khác	173.867.490	53.386.621
Cộng	18.094.331.357	14.560.813.893

9. Tài sản cố định hữu hình

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc và thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Tài sản cố định khác	Cộng
Nguyên giá						
Số đầu năm	123.915.331.916	65.830.047.380	499.396.065.345	2.999.057.068	36.459.091	692.176.960.800
Mua trong kỳ	-	43.350.000	-	33.545.455	-	76.895.455
Đầu tư xây dựng cơ bản hoàn thành	571.251.517	511.800.000	33.946.656.061	-	-	35.029.707.578
Thanh lý	-	-	-	-	(36.459.091)	(36.459.091)
Số cuối kỳ	124.486.583.433	66.385.197.380	533.342.721.406	3.032.602.523	-	727.247.104.742
Trong đó:						
Đã khấu hao hết vẫn còn sử dụng	29.030.877.168	18.741.534.531	17.238.296.329	1.040.980.001	-	66.051.688.029
Chờ thanh lý	-	-	-	-	-	-
Giá trị hao mòn						
Số đầu năm	80.053.998.404	43.165.419.045	246.595.175.589	1.266.671.543	36.459.091	371.117.723.672
Khấu hao trong kỳ	2.816.751.987	2.204.599.059	9.943.401.087	220.033.097	-	15.184.785.230
Thanh lý	-	-	-	-	(36.459.091)	(36.459.091)
Số cuối kỳ	82.870.750.391	45.370.018.104	256.538.576.676	1.486.704.640	-	386.266.049.811
Giá trị còn lại						
Số đầu năm	43.861.333.512	22.664.628.335	252.800.889.756	1.732.385.525	-	321.059.237.128
Số cuối kỳ	41.615.833.042	21.015.179.276	276.804.144.730	1.545.897.883	-	340.981.054.931

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP THOÁT NƯỚC PHÚ YÊN

Địa chỉ: Số 05 Hải Dương, Xã Bình Ngọc, Thành phố Tuy Hòa, Tỉnh Phú Yên, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ (tiếp theo)

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc và thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Tài sản cố định khác	Cộng
Trong đó:						
Tạm thời chưa sử dụng	-	-	-	-	-	-
Đang chờ thanh lý	-	-	-	-	-	-

10. Tài sản cố định vô hình

	Chương trình phần mềm máy tính	Giấy phép khai thác nước	Tài sản khác	Cộng
Nguyên giá				
Số đầu năm	666.500.000	262.835.990	334.372.943	1.263.708.933
Số cuối kỳ	666.500.000	262.835.990	334.372.943	1.263.708.933
Trong đó:				
Đã khấu hao hết vẫn còn sử dụng	381.500.000	262.835.990	334.372.943	978.708.933
Giá trị hao mòn				
Số đầu năm	477.652.769	262.835.990	334.372.943	1.074.861.702
Khấu hao trong kỳ	47.499.996	-	-	47.499.996
Số cuối kỳ	525.152.765	262.835.990	334.372.943	1.122.361.698
Giá trị còn lại				
Số đầu năm	188.847.231	-	-	188.847.231
Số cuối kỳ	141.347.235	-	-	141.347.235
Trong đó:				
Tạm thời không sử dụng	-	-	-	-
Đang chờ thanh lý	-	-	-	-

11. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

	Số đầu năm	Chi phí phát sinh trong kỳ	Kết chuyển vào TSCĐ trong kỳ	Kết chuyển giảm khác	Cộng
Mua sắm tài sản cố định	150.000	576.180.000	(511.800.000)	(64.530.000)	-
Xây dựng cơ bản dở dang	32.712.591.467	6.045.087.473	(32.777.978.116)	(27.256.662)	5.952.444.162
- Công trình "Cải tạo nâng công suất mạng lưới đường ống cấp nước TP Tuy Hòa, gồm: thi công tuyến Lê Duẩn, thi công tuyến phía Bắc Tuy Hoà	31.072.079.295	5.341.482.644	(32.610.380.759)	-	3.803.181.180
- Công trình "Đầu tư nâng cấp NMN KV Đông Bắc Sông Cầu từ 900m ³ /ngđ lên 10.000m ³ /ngđ	1.175.755.740	434.149.925	-	-	1.609.905.665
- Các công trình khác	464.756.432	269.454.904	(167.597.357)	(27.256.662)	539.357.317
Sửa chữa lớn tài sản cố định	343.491.727	3.418.878.300	(1.739.929.462)	(1.652.561.134)	369.879.431
Cộng	33.056.233.194	10.040.145.773	(35.029.707.578)	(1.744.347.796)	6.322.323.593

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP THOÁT NƯỚC PHÚ YÊN

Địa chỉ: Số 05 Hải Dương, Xã Bình Ngọc, Thành phố Tuy Hòa, Tỉnh Phú Yên, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ (tiếp theo)

12. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại liên quan đến các khoản chênh lệch tạm thời được khấu trừ, gồm:

	Ghi nhận vào		
	Số đầu năm	kết quả kinh doanh trong kỳ	Số cuối kỳ
Chi phí dự phòng phải thu khó đòi	873.298.870	-	873.298.870
Chi phí phải trả của công trình	35.796.744	(5.080.372)	30.716.372
Cộng	909.095.614	(5.080.372)	904.015.242

13. Phải trả người bán ngắn hạn

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Công ty TNHH CPE Việt Nam	320.878.400	447.206.400
Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Cấp thoát nước	160.181.744	15.272.998.210
Công ty TNHH Bích Hợp	-	1.647.294.011
Các nhà cung cấp khác	853.789.149	1.218.852.183
Cộng	1.334.849.293	18.586.350.804

Công ty không có nợ phải trả người bán quá hạn chưa thanh toán.

14. Người mua trả tiền trước ngắn hạn

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Ban quản lý dự án Đầu tư xây dựng Thị xã Sông Cầu	71.000.000	71.000.000
Công ty TNHH thi công Tuấn Trí Thành	28.000.000	28.000.000
Chi nhánh Công ty TNHH ReVei Việt Nam tại Phú Yên	25.960.200	26.989.400
Công ty Cổ phần xây lắp Bảo Khánh	16.018.344	17.279.944
Các khách hàng khác	52.541.374	26.381.958
Cộng	193.519.918	169.651.302

15. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

	Số đầu năm		Số phát sinh trong kỳ		Số cuối kỳ	
	Phải nộp	Phải thu	Số phải nộp	Số đã thực nộp	Phải nộp	Phải thu
Thuế GTGT hàng bán nội địa	-	21.090.800	-	-	-	21.090.800
Thuế thu nhập doanh nghiệp	759.558.583	-	1.484.727.620	(1.473.277.381)	771.008.822	-
Thuế thu nhập cá nhân	18.498.049	-	128.701.579	(129.134.128)	18.065.500	-
Thuế tài nguyên	92.624.800	-	602.343.520	(589.510.220)	105.458.100	-
Tiền thuê đất	-	-	16.246.950	(8.276.350)	7.970.600	-
Thuế nhà đất	628.754	-	35.489.677	-	36.118.431	-
Phí bảo vệ môi trường	613.842.941	-	4.420.586.976	(4.212.055.486)	822.374.431	-
Tiền cấp quyền khai thác tài nguyên nước	-	-	374.825.859	(207.200.530)	167.625.329	-
Lệ phí môn bài	-	-	7.000.000	(7.000.000)	-	-
Cộng	1.485.153.127	21.090.800	7.069.922.181	(6.626.454.095)	1.928.621.213	21.090.800

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP THOÁT NƯỚC PHÚ YÊN

Địa chỉ: Số 05 Hải Dương, Xã Bình Ngọc, Thành phố Tuy Hòa, Tỉnh Phú Yên, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ (tiếp theo)

Thuế giá trị gia tăng

Công ty nộp thuế giá trị gia tăng theo phương pháp khấu trừ với thuế suất như sau:

- Cung cấp nước sạch cho doanh nghiệp chế xuất	0%
- Khai thác và cung cấp nước sạch	5%
- Xây lắp, tư vấn, thiết kế, bán vật tư	10%

Từ ngày 01/01/2024 đến ngày 30/06/2024, thuế suất giá trị gia tăng của các mặt hàng, dịch vụ chịu thuế 10% giảm xuống còn 8% theo Nghị định 44/2023/NĐ-CP ngày 30/6/2023.

Thuế thu nhập doanh nghiệp

Công ty xác định thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành từ thu nhập được ưu đãi thuế thu nhập doanh nghiệp đối với lĩnh vực xã hội hóa theo các quy định sau:

- Theo quy định tại điều 8 và điều 16 nghị định số 69/2008/NĐ-CP ngày 30 tháng 5 năm 2008 của Chính phủ và theo điều 15, điều 16 và điều 19 nghị định số 218/2013/NĐ-CP ngày 26/12/2013 của Chính phủ.
- Theo quy định tại mục V danh mục, loại hình, tiêu chí, quy mô, tiêu chuẩn các cơ sở thực hiện xã hội hóa trong lĩnh vực môi trường ban hành kèm theo quyết định số 1466/QĐ-TTg ngày 10 tháng 10 năm 2008 của Thủ tướng Chính phủ (đã được sửa đổi, bổ sung tại mục VI Quyết định số 693/QĐ-TTg ngày 06 tháng 5 năm 2013 của Thủ tướng Chính phủ).
- Theo hướng dẫn tại văn bản số 3139/CT-TTHT ngày 07 tháng 8 năm 2018 về ưu đãi thuế TNDN đối với lĩnh vực xã hội hóa của Cục thuế tỉnh Phú Yên.

Công ty còn được hưởng ưu đãi thuế thu nhập doanh nghiệp đối với hoạt động sản xuất và cung ứng nước sạch như sau: được hưởng thuế suất ưu đãi 10% trong suốt quá trình hoạt động; được giảm 50% thuế phải nộp trong 5 năm (từ năm 2020 đến hết năm 2024) đối với thu nhập tại thành phố Tuy Hòa và giảm 50% thuế phải nộp trong 9 năm (từ năm 2020 đến hết năm 2028) đối với thu nhập tại các huyện còn lại.

Thu nhập từ các hoạt động khác phải nộp thuế thu nhập doanh nghiệp với thuế suất 20%.

Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp trong kỳ được dự tính như sau:

	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	18.843.895.475	15.089.319.971
Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận chịu thuế thu nhập doanh nghiệp:		
- Các khoản điều chỉnh tăng	115.723.536	141.779.965
- Các khoản điều chỉnh giảm	(25.401.860)	(520.426.065)
Thu nhập tính thuế	18.934.217.151	14.710.673.871
Trong đó:		
- Thu nhập từ hoạt động kinh doanh nước sạch	15.435.821.615	10.261.602.584
- Thu nhập từ hoạt động khác	3.498.395.536	4.449.071.287
Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp	20%	20%
Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp theo thuế suất phổ thông	3.786.843.430	2.942.134.774
Thuế thu nhập doanh nghiệp chênh lệch do áp dụng thuế suất khác thuế suất phổ thông	(1.534.743.873)	(1.026.160.258)
Thuế thu nhập doanh nghiệp được giảm	(767.371.937)	(513.080.129)
Thuế thu nhập doanh nghiệp còn phải nộp	1.484.727.620	1.402.894.387

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP THOÁT NƯỚC PHÚ YÊN

Địa chỉ: Số 05 Hải Dương, Xã Bình Ngọc, Thành phố Tuy Hòa, Tỉnh Phú Yên, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ (tiếp theo)

Việc xác định thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp của Công ty được căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và các quy định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau. Do vậy số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ có thể sẽ thay đổi khi cơ quan thuế kiểm tra.

Thuế tài nguyên

Công ty phải nộp thuế tài nguyên cho hoạt động khai thác nước thiên nhiên để sản xuất nước sạch với giá tính thuế và mức thuế suất như sau:

	Giá tính thuế (VND/m ³)	Thuế suất
Nước mặt	4.000	1%
Nước ngầm	6.000	5%

Tiền thuê đất

Công ty nộp tiền thuê đất theo thông báo của cơ quan thuế.

Thuế nhà đất

Thuế nhà đất được nộp theo thông báo của cơ quan thuế.

Phí bảo vệ môi trường

Công ty phải nộp phí bảo vệ môi trường đối với nước thải sinh hoạt là 10% của giá bán nước sạch.

Các loại thuế khác

Công ty kê khai và nộp theo quy định.

16. Chi phí phải trả ngắn hạn

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Chi phí lãi vay phải trả	223.148.810	253.720.175
Trích trước chi phí cấp nước an toàn	2.012.563.660	-
Chi phí thi công xây dựng chờ quyết toán	867.374.889	852.454.605
Trích trước chi phí có tính chất phúc lợi	197.957.400	-
Chi phí thẩm tra, kiểm toán dự án	78.505.361	90.580.802
Cộng	3.379.550.120	1.196.755.582

17. Phải trả ngắn hạn khác

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Phải trả các bên liên quan	28.214.718.750	-
Công ty Cổ phần Nước Aqua One - Cổ tức phải trả	17.159.268.750	-
Ủy ban nhân dân tỉnh Phú Yên - Cổ tức phải trả	11.055.450.000	-
Phải trả các tổ chức và cá nhân khác	1.108.879.441	1.616.936.464
Kinh phí công đoàn	139.666.590	138.504.510
Kinh phí dự án Unhabitat Sông Cầu	176.530.000	176.530.000
Phải trả phí bảo vệ môi trường	22.305.256	48.005.183
Cổ tức phải trả	567.796.100	9.830.600
Các khoản phải trả ngắn hạn khác	202.581.495	1.244.066.171
Cộng	29.323.598.191	1.616.936.464

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP THOÁT NƯỚC PHÚ YÊN

Địa chỉ: Số 05 Hải Dương, Xã Bình Ngọc, Thành phố Tuy Hòa, Tỉnh Phú Yên, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ (tiếp theo)

Công ty không có nợ phải trả khác quá hạn chưa thanh toán.

18. Vay ngắn hạn/dài hạn

18a. Vay ngắn hạn

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Vay dài hạn đến hạn trả (xem thuyết minh số V.18b)	9.917.724.862	11.624.059.617
Cộng	9.917.724.862	11.624.059.617

Công ty có khả năng trả được các khoản vay ngắn hạn.

Chi tiết số phát sinh về các khoản ngắn hạn trong kỳ như sau:

	<u>Số tiền (VND)</u>
Số đầu năm	11.624.059.617
Kết chuyển từ vay và nợ dài hạn	4.958.862.431
Số tiền vay đã trả	(6.665.197.186)
Số cuối kỳ	9.917.724.862

18b. Vay dài hạn

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Chi nhánh Ngân hàng Phát triển Khu vực Nam Trung Bộ	34.712.037.038	39.670.899.469
Cộng	34.712.037.038	39.670.899.469

Công ty có khả năng trả được các khoản vay dài hạn.

Khoản vay dài hạn Ngân hàng Phát triển Việt Nam – Chi nhánh Phú Yên (nay là Chi nhánh Ngân hàng Phát triển Khu vực Nam Trung Bộ) theo các Hiệp định vay phụ giữa Bộ Tài chính và Công ty như sau:

- Hiệp định vay vốn AFD ngày 03 tháng 6 năm 2003 giữa Bộ Tài chính và Công ty TNHH MTV Cấp thoát nước Phú Yên với tổng mức vốn vay là 2.672.000 USD nhằm mục đích đầu tư “Dự án thứ ba Cấp nước vệ sinh cho các thị xã, thị trấn ADB-TA No3323-VIE, tỉnh Phú Yên”. Lãi suất tiền vay trong kỳ là 5,8%/năm và phí cho vay lại của Ngân hàng Phát triển Việt Nam là 0,2%/năm. Khoản vay đã trả hết gốc và lãi trong kỳ này.
- Hiệp định vay vốn ADB ngày 26 tháng 7 năm 2002 giữa Bộ Tài chính và Công ty TNHH MTV Cấp thoát nước Phú Yên với tổng mức vốn vay là 10.743.000 USD nhằm mục đích đầu tư “Dự án thứ ba Cấp nước vệ sinh cho các thị xã, thị trấn ADB-TA No3323-VIE, tỉnh Phú Yên”. Thời hạn cho vay 22 năm trong đó có 6 năm ân hạn gốc và lãi, lãi suất cho vay là 5,8%/năm tính trên số dư nợ vay, phí cho vay lại của Ngân hàng Phát triển Việt Nam là 0,2%/năm tính trên số dư nợ vay, lãi phạt chậm trả là 130% lãi suất cho vay tính trên số dư nợ (gốc, lãi, phí) chậm trả, lãi phát sinh trong thời gian ân hạn sẽ được gốc hóa. Nợ gốc được trả thành 32 khoản bằng nhau trong 32 kỳ bán niên, 6 tháng một lần vào các ngày 01/06 và 01/12 hàng năm. Kỳ trả nợ gốc, lãi đầu tiên của dự án là 01/06/2010. Phí cho vay lại bắt đầu trả từ khi có dư nợ vay.

Kỳ hạn thanh toán các khoản dài hạn như sau:

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP THOÁT NƯỚC PHÚ YÊN

Địa chỉ: Số 05 Hải Dương, Xã Bình Ngọc, Thành phố Tuy Hòa, Tỉnh Phú Yên, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ (tiếp theo)

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Từ 1 năm trở xuống	9.917.724.862	11.624.059.617
Trên 1 năm đến 5 năm	34.712.037.038	39.670.899.469
Cộng	44.629.761.900	51.294.959.086

Chi tiết phát sinh của khoản vay dài hạn như sau:

	<u>Số tiền (VND)</u>
Số đầu năm	39.670.899.469
Kết chuyển sang vay ngắn hạn	(4.958.862.431)
Số cuối kỳ	34.712.037.038

18c. Vay quá hạn chưa thanh toán

Công ty không có các khoản vay quá hạn chưa thanh toán.

19. Quỹ khen thưởng, phúc lợi

	<u>Số đầu năm</u>	<u>Tăng do trích từ lợi nhuận</u>	<u>Nhận khen thưởng</u>	<u>Kết chuyển giữa các quỹ</u>	<u>Chi quỹ trong kỳ</u>	<u>Số cuối kỳ</u>
Quỹ khen thưởng	916.730.004	260.311.312	1.080.000	(641.408.859)	(291.000.000)	245.712.457
Quỹ phúc lợi	328.882.600	607.393.062	-	641.408.859	(1.313.082.800)	264.601.721
Cộng	1.245.612.604	867.704.374	1.080.000	-	(1.604.082.800)	510.314.178

20. Vốn chủ sở hữu

20a. Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

	<u>Vốn góp của chủ sở hữu</u>	<u>Thặng dư vốn cổ phần</u>	<u>Cổ phiếu quỹ</u>	<u>Quỹ đầu tư phát triển</u>	<u>Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối</u>	<u>Cộng</u>
Số dư đầu năm trước	383.981.790.000	8.798.241.099	(361.000.000)	16.561.669.756	12.903.104.420	421.883.805.275
Giảm vốn trong kỳ trước	(346.000.000)	(15.000.000)	361.000.000	-	-	-
Điều chỉnh trích quỹ từ lợi nhuận năm 2022	-	-	-	(1.561.275.167)	2.029.657.717	468.382.550
Chia cổ tức năm 2022	-	-	-	-	(13.427.252.650)	(13.427.252.650)
Lợi nhuận trong kỳ trước	-	-	-	-	13.582.340.371	13.582.340.371
Trích quỹ khen thưởng phúc lợi từ lợi nhuận kỳ trước	-	-	-	-	(679.117.019)	(679.117.019)
Số dư cuối kỳ	383.635.790.000	8.783.241.099	-	15.000.394.589	14.408.732.839	421.828.158.527
Số dư đầu năm nay	383.635.790.000	8.783.241.099	-	15.000.394.589	30.552.494.860	437.971.920.548
Lợi nhuận trong kỳ này	-	-	-	-	17.354.087.483	17.354.087.483
Chia cổ tức năm 2023	-	-	-	-	(28.772.684.250)	(28.772.684.250)
Trích quỹ khen thưởng phúc lợi từ lợi nhuận kỳ này	-	-	-	-	(867.704.374)	(867.704.374)
Số dư cuối kỳ này	383.635.790.000	8.783.241.099	-	15.000.394.589	18.266.193.719	425.685.619.407

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP THOÁT NƯỚC PHÚ YÊN

Địa chỉ: Số 05 Hải Dương, Xã Bình Ngọc, Thành phố Tuy Hòa, Tỉnh Phú Yên, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ (tiếp theo)

20b. Chi tiết vốn góp của chủ sở hữu

Chi tiết vốn điều lệ theo cổ đông lớn như sau:

	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	Số tiền	Tỷ lệ (%)	Số tiền	Tỷ lệ (%)
Công ty Cổ phần Nước Aqua One	228.790.250.000	59,64	228.790.250.000	59,64
Ủy ban nhân dân tỉnh Phú Yên	147.406.000.000	38,42	147.406.000.000	38,42
Các cổ đông khác	7.439.540.000	1,94	7.439.540.000	1,94
Cộng	383.635.790.000	100	383.635.790.000	100

20c. Cổ phiếu

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	38.363.579	38.363.579
Số lượng cổ phiếu đã phát hành	38.363.579	38.363.579
Số lượng cổ phiếu được mua lại	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	38.363.579	38.363.579

Toàn bộ là cổ phiếu phổ thông. Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 VND.

20d. Phân phối lợi nhuận

Công ty đã phân phối lợi nhuận năm 2023 theo Nghị quyết Đại hội cổ đông thường niên năm 2024 số 01/2024/NQ-ĐHĐCĐ ngày 26 tháng 4 năm 2024 như sau:

	Số được phân phối	Số đã trích trong năm trước	Số còn được trích
• Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi	1.528.788.704	1.528.788.704	-
• Chia cổ tức	28.772.684.250	-	28.772.684.250

Ngoài ra, Công ty còn tạm trích quỹ khen thưởng, phúc lợi từ lợi nhuận sau thuế 6 tháng đầu năm nay với số tiền 867.704.374 VND theo kế hoạch phân phối lợi nhuận năm 2024 đã được Đại hội cổ đông thường niên năm 2024 thông qua.

21. Các khoản mục ngoài Bảng cân đối kế toán

Nợ khó đòi đã xử lý

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Nợ khó đòi đã xử lý theo Quyết định số 542/QĐ-UBND ngày 27/3/2015 ⁽ⁱ⁾	192.249.226	192.467.226
Nợ khó đòi đã xử lý theo Quyết định số 16/QĐ-CTN ngày 28/02/2023	135.179.934	136.107.934
Nợ khó đòi đã xử lý theo Quyết định số 10/QĐ-CTN ngày 29/01/2024	37.564.908	37.878.508
Cộng	364.994.068	366.453.668

(i) Khoản nợ phải thu không có khả năng thu hồi đã được xử lý tài chính trước thời điểm xác định giá trị doanh nghiệp khi cổ phần hoá theo Quyết định số 542/QĐ-UBND ngày 27/3/2015.

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP THOÁT NƯỚC PHÚ YÊN

Địa chỉ: Số 05 Hải Dương, Xã Bình Ngọc, Thành phố Tuy Hòa, Tỉnh Phú Yên, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ (tiếp theo)

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH GIỮA NIÊN ĐỘ

1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

1a. Tổng doanh thu

	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Doanh thu bán nước sạch	65.843.500.665	59.961.692.284
Doanh thu bán hàng hóa	73.807.642	58.176.491
Doanh thu cung cấp dịch vụ	205.265.862	188.965.859
Doanh thu hợp đồng xây dựng, lắp đặt đồng hồ đo nước	1.106.625.695	930.398.559
Doanh thu sản xuất điện mặt trời	58.662.160	63.050.400
Cộng	67.287.862.024	61.202.283.593

1b. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ cho các bên liên quan

Công ty không phát sinh giao dịch bán hàng và cung cấp dịch vụ cho các bên liên quan.

2. Giá vốn hàng bán

	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Giá vốn cung cấp nước sạch	32.802.932.827	29.938.601.284
Giá vốn của hàng hóa đã bán	65.714.399	48.622.435
Giá vốn dịch vụ đã cung cấp	5.270.976	36.750.000
Giá vốn của hoạt động xây dựng	404.396.564	387.323.999
Giá vốn sản xuất điện mặt trời	25.761.768	38.761.768
Cộng	33.304.076.534	30.450.059.486

3. Doanh thu hoạt động tài chính

	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Lãi tiền gửi có kỳ hạn	3.179.842.983	4.638.273.313
Lãi tiền gửi không kỳ hạn	5.029.692	11.847.289
Cộng	3.184.872.675	4.650.120.602

4. Chi phí tài chính

Là chi phí lãi vay phát trong kỳ.

5. Chi phí bán hàng

	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Chi phí cho nhân viên	5.347.514.632	5.133.213.596
Chi phí vật liệu, bao bì	2.604.609.863	5.099.214.146
Chi phí dụng cụ, đồ dùng	7.114.320	38.026.290
Chi phí khấu hao tài sản cố định	41.646.162	33.398.550
Chi phí dịch vụ mua ngoài	454.418.115	419.444.151
Các chi phí khác	68.894.764	101.109.145
Cộng	8.524.197.856	10.824.405.878

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP THOÁT NƯỚC PHÚ YÊN

Địa chỉ: Số 05 Hải Dương, Xã Bình Ngọc, Thành phố Tuy Hòa, Tỉnh Phú Yên, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ (tiếp theo)

6. Chi phí quản lý doanh nghiệp

	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Chi phí cho nhân viên	4.915.040.620	4.408.986.863
Chi phí vật liệu quản lý	38.289.022	11.450.000
Chi phí đồ dùng văn phòng	122.115.054	167.675.505
Chi phí khấu hao tài sản cố định	238.067.230	210.731.076
Thuế, phí và lệ phí	58.736.627	69.570.873
Chi phí dịch vụ mua ngoài	742.875.997	651.536.369
Các chi phí khác	2.126.718.167	2.026.565.711
Cộng	8.241.842.717	7.546.516.397

7. Thu nhập khác

	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Tiền phạt vi phạm hợp đồng	-	6.332.249
Thu từ các khoản nợ khó đòi đã xử lý xóa sổ	-	4.770.734
Thu nhập khác	2.675.094	449.006
Cộng	2.675.094	11.551.989

8. Chi phí khác

	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Thuế bị phạt, bị truy thu	11.919	-
Chi phí khấu hao tài sản cố định không sử dụng	14.086.258	40.175.394
Các khoản chi phí khác	13.658.536	6.089.611
Cộng	27.756.713	46.265.005

9. Lãi trên cổ phiếu

	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp	17.354.087.483	13.582.340.371
Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi	(867.704.374)	(679.117.019)
Lợi nhuận tính lãi cơ bản/suy giảm trên cổ phiếu	16.486.383.109	12.903.223.352
Số lượng bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong kỳ	38.363.579	38.363.579
Lãi cơ bản/suy giảm trên cổ phiếu	430	336

Không có các giao dịch cổ phiếu phổ thông hoặc giao dịch cổ phiếu phổ thông tiềm năng nào xảy ra từ ngày kết thúc kỳ kế toán đến ngày công bố Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ này.

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP THOÁT NƯỚC PHÚ YÊN

Địa chỉ: Số 05 Hải Dương, Xã Bình Ngọc, Thành phố Tuy Hòa, Tỉnh Phú Yên, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ (tiếp theo)

10. Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố

	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	8.385.517.228	11.247.454.333
Chi phí nhân công	16.833.714.188	15.630.381.218
Chi phí khấu hao tài sản cố định	15.218.198.968	13.546.560.648
Chi phí dịch vụ mua ngoài	4.761.096.693	3.846.570.876
Chi phí khác	4.664.616.092	4.569.290.861
Cộng	49.863.143.169	48.840.257.936

VII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC

1. Giao dịch và số dư với các bên liên quan

Các bên liên quan với Công ty bao gồm: các thành viên quản lý chủ chốt, các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt và các bên liên quan khác.

1a. Giao dịch và số dư với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt

Các thành viên quản lý chủ chốt gồm: các thành viên Hội đồng quản trị và các thành viên Ban Tổng Giám đốc. Các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt là các thành viên mật thiết trong gia đình các thành viên quản lý chủ chốt.

Giao dịch với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt

Công ty không phát sinh giao dịch bán hàng và cung cấp dịch vụ cũng như các giao dịch khác với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt.

Công nợ với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt

Công ty không có công nợ với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt.

Thu nhập của các thành viên quản lý chủ chốt và Ban Kiểm soát

Kỳ này	Chức danh	Tiền lương	Thu nhập	Thù lao	Cộng
			khác		thu nhập
Ông Nguyễn Tấn Thuận	Chủ tịch HĐQT - Phó Tổng Giám đốc	170.058.600	11.000.000	27.000.000	208.058.600
Ông Đỗ Hoàng Long	Thành viên HĐQT - Tổng Giám đốc	184.854.000	11.000.000	24.000.000	219.854.000
Ông Nguyễn Phú Liệu	Thành viên HĐQT - Phó Tổng Giám đốc	169.998.600	11.000.000	24.000.000	204.998.600
Ông Đặng Đức Hoàng	Thành viên HĐQT	-	-	24.000.000	24.000.000
Ông Tạ Bình Nguyên	Thành viên HĐQT	-	-	24.000.000	24.000.000
Ông Nguyễn Khắc Toàn	Phó Tổng Giám đốc	170.148.600	11.000.000	-	181.148.600
Bà Nguyễn Thị Xuân Tựu	Kế toán trưởng	157.735.000	11.000.000	-	168.735.000
Ông Đỗ Minh Sơn	Trưởng Ban kiểm soát	-	-	27.000.000	27.000.000
Bà Nguyễn Thị Thu	Kiểm soát viên	-	-	21.000.000	21.000.000
Bà Đỗ Thị Kiều Trang	Kiểm soát viên	-	-	21.000.000	21.000.000
Cộng		852.794.800	55.000.000	192.000.000	1.099.794.800

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP THOÁT NƯỚC PHÚ YÊN

Địa chỉ: Số 05 Hải Dương, Xã Bình Ngọc, Thành phố Tuy Hòa, Tỉnh Phú Yên, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ (tiếp theo)

	Chức danh	Tiền lương	Thu nhập khác	Thù lao	Cộng thu nhập
Kỳ trước					
Ông Nguyễn Tấn Thuận	Chủ tịch HĐQT - Phó Tổng Giám đốc	176.887.990	9.500.000	27.000.000	213.387.990
Ông Đỗ Hoàng Long	Thành viên HĐQT - Tổng Giám đốc	194.463.726	9.500.000	24.000.000	227.963.726
Ông Nguyễn Phú Liệu	Thành viên HĐQT - Phó Tổng Giám đốc	176.947.990	9.500.000	24.000.000	210.447.990
Ông Đặng Đức Hoàng	Thành viên HĐQT	-	-	24.000.000	24.000.000
Ông Tạ Bình Nguyên	Thành viên HĐQT	-	-	24.000.000	24.000.000
Ông Nguyễn Khắc Toàn	Phó Tổng Giám đốc	177.067.990	9.500.000	-	186.567.990
Bà Nguyễn Thị Xuân Tựu	Kế toán trưởng	164.070.833	11.500.000	-	175.570.833
Ông Đỗ Minh Sơn	Trưởng Ban kiểm soát	-	-	27.000.000	27.000.000
Bà Nguyễn Thị Thu	Kiểm soát viên	-	-	21.000.000	21.000.000
Bà Đỗ Thị Kiều Trang	Kiểm soát viên	-	-	21.000.000	21.000.000
Cộng		889.438.529	49.500.000	192.000.000	1.130.938.529

1b. Giao dịch và số dư với các bên liên quan khác

Các bên liên quan khác với Công ty gồm:

Bên liên quan khác	Mối quan hệ
Công ty Cổ phần Nước Aqua One	Cổ đông nắm giữ 59,64% vốn điều lệ
Ủy ban nhân dân tỉnh Phú Yên	Cổ đông nắm giữ 38,42% vốn điều lệ
Công ty Cổ phần Bảo hiểm Viễn Đông	Công ty có cùng thành viên quản lý chủ chốt

Giao dịch với các bên liên quan khác

Các giao dịch khác phát sinh giữa Công ty với các bên liên quan khác như sau:

	Luỹ kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Công ty Cổ phần Nước Aqua One		
Cổ tức phải trả	17.159.268.750	8.007.658.750
Công ty chi trả cổ tức	-	8.007.658.750
Ủy ban nhân dân tỉnh Phú Yên		
Cổ tức phải trả cổ tức	11.055.450.000	5.159.210.000
Công ty chi trả cổ tức	-	5.159.210.000

Công nợ với các bên liên quan khác

Công nợ với các bên liên quan khác được trình bày tại các thuyết minh số V.3 và V.17.

2. Thông tin về bộ phận

Công ty chủ yếu hoạt động trong một lĩnh vực khai thác và cung cấp nước sạch, các hoạt động kinh doanh khác chiếm tỷ trọng doanh thu không đáng kể và trong một khu vực địa lý là địa bàn tỉnh Phú Yên.

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP THOÁT NƯỚC PHÚ YÊN

Địa chỉ: Số 05 Hải Dương, Xã Bình Ngọc, Thành phố Tuy Hòa, Tỉnh Phú Yên, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ (tiếp theo)

3. Sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán

Không có sự kiện trọng yếu nào phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán yêu cầu phải điều chỉnh số liệu hoặc công bố trên Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ.

Phú Yên, ngày 13 tháng 8 năm 2024

Nguyễn Ngọc Diễm Trang
Người lập

Nguyễn Thị Xuân Tựu
Kế toán trưởng

Đỗ Hoàng Long
Tổng Giám đốc

